

Bản án số: **518/2025/DS-ST**

Ngày: 23- 6- 2025

V/v tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Diệu Hoa

2. Ông Phạm Quốc Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyên Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 984/2024/DSST ngày 12/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 995/2025/QĐXXST-DS ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S,

Địa chỉ liên lạc: Lầu H, 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991;

(có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phan Hồng B, sinh ngày 24/6/1991,

CCCD số: 058091000038 cấp ngày 23/8/2018.

Địa chỉ thường trú: 1A Đô Đốc T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn

Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/3/2022, ông Nguyễn Phan Hồng B có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.482%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng số 436438-8143, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 934.759.200 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 850.223.216 đồng.

Từ ngày 06/02/2024, ông B ngưng thanh toán, dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Phan Hồng B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 97.973.389 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá là 3.723%/tháng.

Tính đến ngày 23/6/2025, ông B còn nợ số tiền gồm: Nợ gốc: là 97.973.389 đồng, lãi quá hạn: 61.278.840 đồng, tổng cộng: 159.252.229 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Phan Hồng B phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền này và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2025, bị đơn ông Nguyễn Phan Hồng B trình bày:

Ông xác nhận có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2022 đề nghị Ngân hàng S cấp thẻ tín dụng số 436438-8143, hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.482%/tháng. Ông xác nhận hiện đang nợ số tiền như nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày tại bản tự khai ngày 29/11/2024 là đúng.

Hiện ông đang chấp hành án tù giam tại Trại tạm giam Sông C, tỉnh Ninh Thuận, thời gian chấp hành án 08 năm, do đó ông không thể tiếp tục thanh toán nợ, sau này, khi có điều kiện ông sẽ cố gắng thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ông không thể tham gia quá trình tố tụng trong vụ án này do đang chấp hành án tù giam, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông kể cả hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010:

Đề nghị hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Án phí : Bị đơn phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phan Hồng B thanh toán khoản tiền nợ thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Phan Hồng B có nơi đăng ký thường trú tại nhà số A Đô Đốc T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng S, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc M và bị đơn ông Nguyễn Phan Hồng B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phan Hồng B thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2022, tính đến ngày 23/6/2025, tổng cộng là 159.252.229 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, ông Nguyễn Phan Hồng B và Ngân hàng TMCP S xác nhận có ký kết với nhau Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2022, theo đó Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông Nguyễn Phan Hồng B thẻ tín dụng số 436438-8143, hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, lãi suất là 2.482%/ tháng.

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 934.759.200 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 850.223.216 đồng. Từ ngày 06/02/2024, ông B ngưng thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 97.973.398 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 3.723%/tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) là phù hợp theo thỏa thuận tại Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Phan Hồng B thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2022, tạm tính đến ngày 23/6/2025 là 159.252.229 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 97.973.389 đồng, lãi quá hạn: 61.278.840 đồng; thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.2] Về yêu cầu ông Nguyễn Phan Hồng B còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2022 kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, tính kể từ ngày 24/6/2025 cho đến ngày ông Nguyễn Phan Hồng B trả hết nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Phan Hồng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

H lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Nguyễn Phan Hồng B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/8/2022, tạm tính đến ngày 23/6/2025 là 159.252.229 (một trăm năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi chín) đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 97.973.389 đồng, lãi quá hạn: 61.278.840 đồng.

Kể từ ngày 24/6/2025 cho đến thi hành án xong, ông Nguyễn Phan Hồng B còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2022.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Phan Hồng B phải chịu số tiền là 7.962.611 (bảy triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm mười một) đồng.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 3.054.220 (ba triệu không trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045259 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP . HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Ngọc Nữ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Nữ